

BÁO CÁO CẬP NHẬT

CÔNG TY CỔ PHẦN

ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Tháng 1.2017

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

THÔNG TIN NIÊM YẾT	
Tên Công ty	CTCP Điện Lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
Ngành nghề	Tiện ích – Điện lực
Sàn giao dịch	HOSE
Mã chứng khoán	NT2
Vốn điều lệ	2.849 tỷ đồng
Vốn hóa: 7/2/2017	8.832 tỷ đồng
Giá cổ phiếu: 7/2/2017	31.000 đồng

CƠ CẤU CỔ ĐỒNG	
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	60.0%
Cổ đồng nước ngoài	10.21%
Cổ đồng khác	29.79%



CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN				
	2014	2015	2016	
Doanh thu thuần	7.065	6.729	7.983	
Lợi nhuận gộp	1.652	1.642	1.351	
EBITDA	2.649	2.077	1.998	
Lợi nhuận ròng	1.591	1.142	1.086	
EPS (VND)	6.215	4.168	3.740	
Cổ tức bằng tiền/cổ phiếu (VND)	2.200	2.200		

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 được thành lập năm 2007 để thực hiện đầu tư xây dựng Nhà máy nhiệt điện khí Nhơn Trạch 2. Mặc dù nhà máy mới đi vào hoạt động thương mại từ đầu năm 2011 nhưng đã đóng góp quan trọng vào việc ổn định nguồn điện của hệ thống điện quốc gia. Hiệu quả hoạt động của công ty đang ngày càng tăng lên khi các điều kiện về giá bán điện, giá khí đầu vào được giải quyết. Trên quan điểm đầu tư, Chúng tôi khuyến nghị GIỮ ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU NT2.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH QIV/2016

Tình hình sản xuất

Năm 2016 Công ty đạt kế hoạch sản lượng điện sản xuất là 4.450 triệu kwh, tăng 3.6% so với kế hoạch năm 2015 và bằng 80.92% so với thực hiện năm 2015. Có thể thấy kế hoạch đặt ra ở mức cẩn trọng.

Sản lượng điện sản xuất

Tình hình sản xuất điện trong năm 2016 của công ty gặp nhiều thuận lợi khi nguồn khí cung cấp cho nhà máy ổn định, nhu cầu điện tiếp tục tăng mạnh và thủy điện gặp khó khăn về nguồn nước.

Sản lượng điện sản xuất và kinh doanh trong quý IV đạt 1.198 triệu kwh, đưa tổng sản lượng điện sản xuất năm 2016 lên mức 5.223 triệu kwh, vượt 17,4% kế hoạch năm và bằng 94,98% của năm 2015. Những tháng cuối năm, do nước về hồ nhiều, thủy điện vẫn được ưu tiên huy động nên sản lượng sản xuất của công ty đạt mức thấp hơn so với cùng kỳ 2015 (1.198/1.504 tr kwh).

Cơ chế giá khí nhiên liệu

Cơ chế giá khí theo thị trường được áp dụng trong 9 tháng đầu năm, đưa giá khí nhiên liệu đầu vào ở mức thấp sát với giá thị trường. Giá khí đầu vào trung bình 9 tháng là khoảng 3.70 usd/mmBtu, bằng 67,76% cùng kỳ năm trước. Trong quý IV, giá khí tăng lên ở mức từ 5,32-5,47usd/mmBtu.

Kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Q4.2015	Q4.2016	2016	%Thay đổi		%KH 2016
					Q4	YoY	
Doanh thu	Tỷ đồng	1.708	3.522	7.983	206.17%	118.63%	13%/101%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	522	242	1.351	46.36%	82.29%	
Tỷ suất lợi nhuận gộp	%						
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	118	59	103	232.%	158.38%	
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	85	45	249		69.27%	
Chi phí quản lý	Tỷ đồng	81	18	57	22%	38.98%	
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	474	237	1.149	50.25%	95.58%	
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	474	237	1.148	50.23%	95.52%	149.9%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	450	225	1.086	50.21%	95.04%	149.2%
EPS	Đồng	1.562	773	3.740	49.49%	95.00%	

Kết quả kinh doanh quý IV với doanh thu đạt 3.522 tỷ đồng, tăng mạnh so với cùng kỳ 2015. Lũy kế cả năm, doanh thu đạt 7.983 tỷ đồng, tăng 18.63% so với 2015. Doanh thu quý IV tăng mạnh do trong kỳ công ty hạch toán hồi tố cước phí vận

chuyển đường ống dẫn khí Phú Mỹ - Tp Hồ Chí Minh của những năm trước. Khoản doanh thu này được hạch toán theo nguyên tắc chuyển ngang với chi phí nhiên liệu khí và không ảnh hưởng tới lợi nhuận kinh doanh trong kỳ.

Nếu loại trừ khoản doanh thu này, doanh thu hoạt động của công ty năm 2016 đạt 6.048 tỷ đồng, bằng 101% so với kế hoạch năm và bằng 90% của năm 2015.

Lợi nhuận gộp quý IV đạt 242 tỷ đồng, bằng 92% quý III và 46% so với cùng kỳ 2015.

Lũy kế cả năm, lợi nhuận gộp đạt 1.351 tỷ đồng, bằng 82.29% so với cùng kỳ năm 2015, biên lợi nhuận gộp cả năm đạt 22.3% so với mức 24.4% của năm 2015.

Doanh thu tài chính trong kỳ tăng đạt 59 tỷ đồng, lũy kế doanh thu tài chính cả năm đạt 103 tỷ đồng, tăng mạnh 58% so với năm 2015.

Chi phí tài chính quý IV đạt 45 tỷ đồng, lũy kế cả năm chi phí tài chính đạt 249 tỷ đồng, trong đó chi phí lãi vay là 156 tỷ đồng. So với năm 2015, chi phí tài chính giảm 30.6%, chủ yếu do chi phí lãi vay trong kỳ giảm cùng với gốc vay, mặt khác năm 2016 công ty không còn phải phân bổ khoản lỗ tỷ giá 66 tỷ trong thời gian đầu tư nhà máy.

Chi phí quản lý doanh nghiệp quý IV đạt thấp với 18 tỷ đồng, lũy kế chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 57 tỷ đồng, giảm mạnh 60.9% so với năm 2015, nguyên nhân do trong năm công ty hoàn nhập một số khoản dự phòng phải thu lãi vay.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh quý IV đạt 238 tỷ đồng, lũy kế cả năm đạt 1.149 tỷ đồng, bằng 95.67% so với năm 2015.

Lợi nhuận trước và sau thuế quý IV lần lượt đạt 237 tỷ đồng và 225 tỷ đồng. Lũy kế cả năm lợi nhuận trước và sau thuế lần lượt đạt 1.148 tỷ đồng và 1.086 tỷ đồng, đạt 149,2% so với kế hoạch và bằng 95% cùng kỳ 2015.

Tình hình tài sản, nguồn vốn

Cơ cấu tài sản và nguồn vốn tiếp tục ổn định. Đến thời điểm cuối năm, Tổng tài sản của Công ty đạt 12.984 tỷ đồng, tăng thêm 1.339 tỷ đồng so với hồi đầu năm. Đây chủ yếu là do phát sinh thêm khoản Phải thu và cân đối với khoản Phải Trả từ tiền Cước phí vận chuyển khí giữa EVN và PVGAS mà Công ty là đơn vị trung gian.

Đến cuối năm, tài sản ngắn hạn đạt 5.316 tỷ đồng, tăng 2.335 tỷ đồng so với đầu năm. Tiền và tương đương tiền tăng thêm 290 tỷ đồng đạt 1.398 tỷ đồng. Khoản phải thu ngắn hạn đạt 3.609 tỷ đồng tăng thêm 2.032 tỷ đồng, chủ yếu là khoản phải thu từ Công ty mua bán điện của EVN.

Tài sản dài hạn cuối năm đạt 7.668 tỷ đồng, giảm 994 tỷ đồng so với hồi đầu năm, trong đó tài sản cố định giảm 682 do khấu hao trong năm.

Cơ cấu nguồn vốn ổn định, Nợ phải trả tăng thêm 1.196 tỷ đồng lên 8.073 tỷ đồng, chủ yếu tăng do khoản Nợ phải trả liên quan đến cước phí vận chuyển khí phải trả cho PVGAS như đã nói ở trên. Trong khi đó Nợ phải trả chịu lãi vay đang tiếp tục giảm.

Vốn chủ sở hữu tăng 141 tỷ đồng và đạt 4.909 tỷ đồng, vốn đầu tư chủ sở hữu tăng thêm 110 tỷ đồng do trong năm công ty thực hiện tăng vốn bằng cổ phiếu thưởng và ESOP.

Triển vọng năm 2017

Công ty sẽ tiếp tục được hưởng thuận lợi do nhu cầu phụ tải tăng lên trong năm 2017 cũng như nguồn khí từ hệ thống Nam Côn Sơn và Cửa Long ổn định. Mặc dù vậy, cạnh tranh với các nhà máy thủy điện có thể ảnh hưởng đến sản lượng sản xuất của công ty bởi điều kiện thủy văn cho các công ty thủy điện trong cuối năm

2016 và đầu 2017 là khá thuận lợi.

Chúng tôi cho rằng Công ty vẫn tiếp tục được huy động công suất ở mức cao nhưng sẽ khó vượt được mức thực hiện của năm 2016.

Trong năm 2017 công ty tiếp tục được hưởng lợi từ khoản thu hồi tố của những năm trước với khoảng 160 tỷ đồng. Với việc Nợ vay giảm, đồng USD được giữ ổn định, biến động nhẹ, trong khi đồng EUR vẫn yếu đi so với đồng USD. Hiệu quả hoạt động 2017 của Công ty vẫn đảm bảo đạt được mức hấp dẫn.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Chi tiêu	2014	2015	9T.2016
Doanh thu thuần	7064.92	6729.44	4.461
Giá vốn hàng bán	5413.26	5087.67	3.352
Lợi nhuận gộp	1651.65	1641.77	1.109
Doanh thu hoạt động tài chính	450.49	65.04	45
Chi phí tài chính	437.19	359.44	204
Trong đó: Chi phí lãi vay	219.38	183.33	118
Chi phí bán hàng	0.22	0.10	0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	74.70	146.23	39
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	1590.03	1201.04	911
Thu nhập khác	2.41	1.30	1
Chi phí khác	1.47	0.54	1
Lợi nhuận khác	0.94	0.77	0
Lãi (lỗ) cty liên doanh/liên kết	0.00	0.00	0
Lợi nhuận trước thuế	1590.96	1201.81	911
Chi phí thuế TNDN hiện hành	0.00	61.11	51
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0.00	(0.93)	0
Lợi nhuận sau thuế	1590.96	1141.63	860
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0.00	0.00	0
Lợi nhuận sau thuế cổ đông	1590.96	1141.63	860

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI SẢN

Chi tiêu	2014	2015	9.2016
TÀI SẢN NGẮN HẠN	3,261.47	2,980.68	3.351
Tiền và tương đương tiền	186.13	1,108.50	1.582
Đầu tư tài chính ngắn hạn	540.00	0.00	0
Các khoản phải thu	2,259.84	1,576.12	1.525
Hàng tồn kho	275.35	287.99	239
Tài sản ngắn hạn khác	0.16	8.06	5
TÀI SẢN DÀI HẠN	9,222.08	8,663.99	8.033
Phải thu dài hạn	38.78	367.76	367
Tài sản cố định	8,306.24	7,617.94	7.110
Bất động sản đầu tư	0.00	0.00	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0.00	0.00	0
Tài sản dài hạn khác	877.06	672.60	556
TỔNG TÀI SẢN	12,483.55	11,644.67	11.384
NỢ PHẢI TRẢ	8,236.87	6,876.21	6.538
Nợ ngắn hạn	2,376.61	2,023.09	2.209
Nợ dài hạn	5,860.25	4,853.13	4.329
VỐN CHỦ SỞ HỮU	4,246.68	4,768.46	4.846
Vốn đầu tư của CSH	2,560.00	2,739.20	2.849
Thặng dư vốn cổ phần	0.00	-0.11	0
Cổ phiếu quỹ	0.00	0.00	0
Vốn khác của chủ sở hữu	169.24	0.00	0
Quỹ đầu tư phát triển	20.85	79.80	137
Lãi chưa phân phối	1,496.60	1,949.57	1.860
Vốn và quỹ khác	0.00	0.00	0
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.00	0.00	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	12,483.55	11,644.67	11.384

Nguồn: Báo cáo tài chính của NT2, BCTC 9T.2016 chưa kiểm toán

LƯU CHUYỂN DÒNG TIỀN

	2014	2015	9T.2016
Lợi nhuận trước thuế	1,591	1.202	911
Điều chỉnh:			
Khấu hao tài sản cố định	839	692	520
Các khoản dự phòng			
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-404	10	14
Tăng (giảm) hàng tồn kho	-820	-13	49
Tăng (giảm) các khoản phải thu	-54	353	89
Tăng (giảm) các khoản phải trả	251	-301	72
Tiền tăng (giảm) từ hoạt động kinh doanh	1,528	2.091	1.634
Tiền từ hoạt động đầu tư			
Tăng (giảm) đầu tư TSCĐ	-8	-5	-9
Tăng giảm thu chi cho vay, mua công cụ nợ	246		
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	25	38	42
Tiền tăng (giảm) từ hoạt động đầu tư	264	33	33
Tiền từ hoạt động tài chính			
Góp vốn, huy động vốn cổ phiếu			
Tiền thu từ đi vay	164		
Tiền trả nợ gốc vay	-1,287	-1.043	-535
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-699	-658
Tiền từ hoạt động tài chính	-1,124	-1.742	-1.193
Dòng tiền mặt ròng	669	382	473
Tiền mặt đầu kỳ	57	726	1.109
Tiền mặt cuối kỳ	726	1.109	1.582

HỆ SỐ TÀI CHÍNH

	2014	2015	9T.2016
Hệ số thanh khoản			
Hệ số thanh toán hiện thời	1,37	1,47	1.52
Hệ số thanh toán nhanh	1,26	1,33	1.41
Hệ số hoạt động			
Số vòng quay khoản phải thu	3,13	4,27	2.93
Số vòng quay hàng tồn kho	19,66	17,67	14.03
Số vòng quay tổng tài sản	0,57	0,58	0.39
Hệ số đòn bẩy			
Hệ số nợ	0,66	0,59	0.57
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,94	1,44	1.35
Hệ số sinh lời			
Tỷ suất lãi gộp/Doanh thu	23,38%	24,40%	24.86%
Tỷ suất lợi nhuận k.doanh/Doanh thu	22,51%	17,85%	20.42%
ROA	12,74%	9,80%	7.55%
ROE	37,46%	23,94%	17.74%
Hệ số khác			
Lợi nhuận ròng/CP (EPS)	6.215	4.168	2.976
Giá trị sổ sách cổ phần(BPS)	16.589	17.408	17.009
Cổ tức mỗi cổ phần bằng tiền	2.200	2.200	1.500
Dividend Yeild	10,53%	8,27%	na

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ

Hệ thống khuyến nghị của PSI được xây dựng dựa trên mức chênh lệch giữa kết quả định giá và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm định giá, có giá trị 6 tháng kể từ thời điểm phát hành báo cáo. Có 3 mức khuyến nghị cho mỗi cổ phiếu, tương ứng với từng mức chênh lệch. Các khuyến nghị có thể được thay đổi sau mỗi lần cập nhật hoặc đánh giá lại để phù hợp với tình hình và kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

- **MUA:** khi giá thị trường thấp hơn giá định giá 15%
- **GIỮ:** khi giá thị trường nằm trong biên độ giá định giá +/- 15%
- **BÁN:** khi giá thị trường cao hơn giá định giá 15%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Tòa nhà Hanoitourist, số 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: + 84 4 3934 3888 - Fax: +84 3934 3999

Website: www.psi.vn

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2016 thuộc về Công ty CP Chứng khoán Dầu khí (PSI). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và PSI không chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin này. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của PSI. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của PSI.